

Bản án số: 25/2026/HS-ST
Ngày 22-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tôn.

2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 5 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **D1** (tên gọi khác: không), sinh ngày 20/11/1999.

Nơi sinh: G - Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp A, xã G, tỉnh An Giang; CCCD số: 091099007201; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Thị H, cha không xác định. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2025 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Danh B, sinh năm 1989. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã G, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Danh Đ, sinh năm 1951. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã G, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng: Bà Thị H, sinh năm 1980. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 07/5/2025 Danh Quốc K đang chặt cỏ bờ ruộng tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp A, xã G, tỉnh An Giang). Lúc này, K nhìn vào nhà bà Thị H (mẹ ruột K) cách nơi K đang làm khoảng 60m thì thấy Danh B cùng với Danh T và Danh Tiền G đến nhà bà H để đòi nợ số tiền vay của bà H đã vay của ông Vương Văn K1 trước đây, nên K tức giận tay phải cầm theo một cây dao dài 41,5cm, phần cán bằng gỗ dài 16,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm, nơi rộng nhất 06cm, sắc bén 01 bề, mũi bầu chạy đến chỗ B đang đứng và xông vào chém B, thấy vậy B lùi lại về sau, lùi được khoảng 05 mét thì B vấp chân té ngã, tư thế nằm ngửa, K chạy đến dùng tay phải đang cầm dao chém theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, trúng vào vùng ngực phải của B 01 dao. Sau đó, K chém tiếp 01 dao nữa theo hướng từ trên xuống thì B đưa tay trái lên đỡ và chụp lấy lưỡi dao, K giật dao lại nên làm đứt bàn tay trái của B. Lúc này, được mọi người can ngăn và giật lấy dao từ tay K, sau đó bà H ném cây dao trên xuống sông trước nhà, Danh B điều khiển xe mô tô chạy đến phòng khám Đ1 băng bó vết thương. Sau đó, chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh H điều trị thương tích đến ngày 15/5/2025 xuất viện

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định pháp y về thương tích đối với Danh B. Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 166/KLTTCT-PY ngày 30/6/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh K đối với Danh B như sau:

1. Các kết quả chính:

- *Vết thương vùng ngực phải, gây (2 điểm) xương sườn V bên phải, rách nhu mô phổi phải, tràn máu màng phổi phải, đã được phẫu thuật điều trị. Hiện còn dải xơ dày dính phổi, màng phổi thùy dưới phổi phải.*

- *Vết thương bàn tay trái, tổn thương nhánh thần kinh giữa, đã được phẫu thuật điều trị. Hiện tổn thương nhánh cảm giác gan bàn tay thuộc dây thần kinh giữa bên trái.*

2. Kết luận:

*2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Danh B** tại thời điểm giám định là: **31%** (Ba mươi một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.*

- *Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định ở:*

+ *Vùng ngực phải là: **21,34%** (Hai mươi một phẩy ba mươi bốn phần trăm).*

+ *Bàn tay trái là: **12,78%** (Mười hai phẩy bảy mươi tám phần trăm).*

2.2. Vật gây thương tích: Vật sắc./.

* Tại Bản kết luận giám định vật gây thương tích số: 44/KLVGTT-PY ngày 23/10/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh A như sau:

1. Các kết quả chính:

- Mẫu vật (cây dao) gửi giám định là dạng vật sắc
- Thương tích ở vùng ngực phải và bàn tay trái của Danh B do vật sắc gây nên.

2. Kết luận:

Căn cứ kết quả giám định vật gây thương tích được cơ quan trưng cầu giám định gửi đến, xác định:

Mẫu vật (cây dao) gửi giám định có đặc điểm gây thương tích phù hợp với đặc điểm tổn thương ở vùng ngực phải và bàn tay trái. Xác định cây dao có thể gây ra được các thương tích của Danh B./.

* Tại Bản kết luận giám định vũ khí số: 5700/KL-KTHS ngày 27/11/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, phần kết luận như sau:

Mẫu vật gửi giám định là dao sắc, thuộc Phụ lục 5 Danh mục dao có tính sát thương cao (ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C).

* **Về vật chứng:** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đã thu giữ vật chứng bao gồm: 01 (Một) cây dao dài 41,5cm, trong đó phần cán bằng gỗ dài 16,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, nơi rộng nhất 6cm, sắc 01 bề, mũi bầu.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSKV5 ngày 30/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang đã truy tố bị cáo Danh Quốc K về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 134 và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1, Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Danh Quốc K phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh Quốc K từ 03 – 04 năm tù giam.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh Quốc K từ 01 – 01 năm 06 tháng tù giam.

*** Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng: 01 (Một) cây dao dài 41,5cm, trong đó phần cán bằng gỗ dài 16,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, nơi rộng nhất 6cm, sắc 01 bề, mũi bầu.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Danh B yêu cầu bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích: 21.200.000 đồng; tiền thuê xe điều trị, giám định: 2.600.000 đồng; tiền công lao động: 22.800.000 đồng; tiền tổn hại sức khỏe, tổn thất tinh thần: 100.000.000 đồng. Tổng số tiền Danh B yêu cầu Danh Quốc K phải bồi thường là: 146.600.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng). Danh Quốc K đồng ý bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích và tiền công lao động của người nuôi bệnh: 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng). Các khoản khác K đồng ý bồi thường theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của bị hại. Buộc Danh Quốc K bồi thường cho bị hại D Bước tổng số tiền là 82.870.000đ (T1 mười hai triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bị cáo Danh Quốc K thừa nhận hành vi của mình như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét thấy có đủ cơ sở xác định:

Vào lúc khoảng hơn 13 giờ ngày 07/5/2025 tại nhà bà Thị H thuộc ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp A, xã G, tỉnh An Giang). Bị cáo Danh Quốc K đã sử dụng cây dao dài 41,5cm, phần cán bằng gỗ dài 16,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm, nơi rộng nhất 06cm, sắc bên 01 bề, mũi bầu là dao có tính sát thương cao (vũ khí quân dụng) và chém 02 nhát vào ngực phải và bàn tay trái của Danh B làm B bị thương tích nặng ở vùng ngực phải và bàn tay trái, hậu quả gây thương tích cho anh B 31% (Ba mươi một phần trăm). Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định; kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y tỉnh K.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, năng lực hành vi, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác nên hành vi của bị cáo Danh Quốc K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”.

Đối với tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” bị cáo không có sử dụng vũ khí quân dụng. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm d khoản 2 và khoản 6 Điều 2 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 thì dao sắc, dao nhọn thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ C ban hành được sử dụng với mục đích xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật là “vũ khí quân dụng”. Theo kết luận giám định vũ khí, cây dao mà bị cáo sử dụng để gây thương tích là dao sắc, thuộc Phụ lục 5 Danh mục dao có tính sát thương cao (ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C).

Bị cáo đã sử dụng dao có tính sát thương cao gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người bị hại anh D Bước với tỷ lệ 31% (Ba mươi một phần trăm) nên bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự về 02 tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 và Tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó, cũng không xác định hành vi sử dụng dao có tính sát thương cao là tình tiết để định khung hình phạt đối với bị cáo.

Tại điểm a, khoản 2, Điều 134 và khoản 1, Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” như sau:

“Điều 134: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

.....”.

“Điều 304. Tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng

1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm....”

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của anh B mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Tuy bị cáo phạm tội là có một phần lỗi của bị hại nhưng bản thân bị cáo nhận thức được dao là hung khí nguy hiểm, bị cáo nhận thức được nếu như sử dụng nó vào mục đích gây thương tích thì sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cũng như tính mạng của người khác. Mặc dù nhận thức được điều đó, thế nhưng bị cáo thấy bị hại thường xuyên đến nhà mẹ bị cáo đòi nợ, bị cáo đã tức giận và dùng dao để gây thương tích cho anh B, trong khi giữa bị hại và bị cáo không hề quen biết với nhau. Hành vi phạm tội của bị cáo không những thể hiện sự xem thường pháp luật mà còn cho thấy bản chất hung hãn, xem thường sức khỏe, tính mạng của người khác. Nghĩ nên áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa bản thân thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời, cũng nhằm ngăn ngừa tội phạm chung.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Danh B yêu cầu bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích: 21.200.000 đồng; tiền thuê xe điều trị, giám định: 2.600.000 đồng; tiền công lao động: 22.800.000 đồng; tiền tổn hại sức khỏe, tổn thất tinh thần: 100.000.000 đồng. Tổng số tiền Danh B yêu cầu Danh Quốc K phải bồi thường là: 146.600.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng). Danh Quốc K đồng ý bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích và tiền công lao động của người nuôi bệnh: 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng). Các khoản khác K đồng ý bồi thường theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của bị hại. Buộc Danh Quốc K bồi thường cho bị hại D Bước tổng số tiền là 82.870.000đ (T1 mười hai triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

[8] **Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng: 01 (Một) cây dao dài 41,5cm, trong đó phần cán bằng gỗ dài 16,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, nơi rộng nhất 6cm, sắc 01 bề, mũi bầu.

[9] Đối với đối tượng Vương Văn K1 có hành vi cho vay lãi nặng với lãi suất 50%/năm (gấp 2,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), quá trình điều tra xác định Vương Văn K1 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi cho vay lãi nặng nên hành vi của Vương Văn K1 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với Danh B, Danh T và Danh Tiền G xác định chỉ đòi nợ dùm cho K1 và K1 không có hứa hẹn cho hưởng lợi ích gì từ việc đòi tiền bà H.

[10] Về án phí: Bị cáo Danh Quốc K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Danh Quốc K phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh Quốc K 03 (ba) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 01 (một) năm tù về tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Danh Quốc K phải chấp hành 04 (bốn) năm tù. Thời điểm chấp hành án tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/8/2025.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584 và 590 Bộ luật dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của bị hại, buộc bị cáo Danh Quốc K bồi thường cho bị hại D Bước tiền chi phí điều trị thương tích: 21.200.000 đồng; tiền thuê xe điều trị, giám định: 2.600.000 đồng; tiền công lao động: 22.800.000 đồng; tiền tổn hại sức khỏe, tổn thất tinh thần: 36.270.000 đồng. Tổng số tiền là **82.870.000đ** (*T1 mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

* **Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình. Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng: 01 (Một) cây dao dài 41,5cm, trong đó phần cán bằng gỗ dài 16,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, nơi rộng nhất 6cm, sắc 01 bề, mũi bầu.

* **Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Danh Quốc K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí có giá ngạch số tiền 4.143.500đ (*Bốn triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm đồng*).

* **Quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 22/4/2026.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Viện KSND khu vực 5;
- Công an tỉnh An Giang (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Bị cáo; Những người TGTT;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhập